

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2020/HS-ST

Ngày: 28-5-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ M
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Bích Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Triều

Bà Nguyễn Thị Nở

Ông Thái Bình Nghĩa

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí M mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 181/2020/HSST ngày 03 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2294/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 tại Hà Nam; TH trú: Ấp 6, xã An V, huyện Trảng B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Giới tính: Nữ; Con ông: Nguyễn Bá D (mất); Con bà: Nguyễn Thị V, sinh năm: 1957; Chồng: Trương Văn L, và 02 con: lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giam: 26/8/2018. (Có mặt)

Bị hại:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 21, xã An P, huyện Long T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

2. Ông Ngô KH M, sinh năm 1972; Địa chỉ: 338/36 Nguyễn Đình C, PH 4, Quận X, Thành phố Hồ Chí M. (Có mặt)

3. Ông Dương Văn H, sinh năm 1958; Địa chỉ: 18 đường 9, pH Bình A, Quận Y, Thành phố Hồ Chí M; Chỗ ở: 355/7A1 Chu Văn A, pH 12, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Thanh M, sinh năm 1965 (đã mất)

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Liễu, sinh năm 1962;
Địa chỉ: 383 Trường Lưu, pH Long Trường, Quận 9, Thành phố Hồ Chí M.
(Vắng mặt)

2. Công ty TNHH dịch vụ vận tải Cá Mập; Địa chỉ: 39/D2006 chung cư
Huỳnh Văn Chính 2, pH Phú Trung, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí M.
(Vắng mặt)

3. Trần Tấn H1, sinh năm 1991; Địa chỉ: 379 đường Lương Định Của,
khu phố 5, pH An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí M. (Vắng mặt)

4. Thân Thế T, sinh năm 1984; Địa chỉ: 2.10, Lô B, chung cư Hiệp Bình
Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. (Vắng mặt)

Người bào chữa:

Luật sư Đỗ H Bình – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí M bào chữa chỉ
định cho bị cáo Nguyễn Thị H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và trả nợ, Nguyễn Thị H nảy sinh ý định làm giả
các giấy tờ gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng
M nhân dân, Giấy đăng ký xe, Giấy xác nhận hôn nhân... mang tên Nguyễn Thị
H, với thủ đoạn mang giấy tờ giả đi cầm cố hoặc để người khác tưởng giấy tờ là
thật, để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Cụ thể H
đã thực hiện 3 vụ phạm tội, cụ thể như sau:

* Vụ thứ 1:

Đầu tháng 5/2017, H gặp một người phụ nữ tên Châu (không rõ lai lịch)
tại địa bàn Quận 9 để thuê làm 01 bộ hồ sơ nhà đất giả với giá 33.000.000 đồng.
Đến ngày 10/5/2017, Châu đưa cho một người chạy xe Honda ôm (không rõ lai
lịch) đến trước Siêu thị Metro thuộc pH An Phú, Quận 2 giao cho H một bộ hồ
sơ giả gồm: 01 Giấy chứng M nhân dân số: 025803315 mang tên Nguyễn Thị H
(sinh ngày 03/05/1982; HKTT: 21 lô B, Chung cư Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp
Bình Chánh, quận Thủ Đức); 01 Sổ hộ khẩu số 31110080738 do Nguyễn Thị H
đứng tên chủ hộ (địa chỉ: 210 lô B, Chung cư Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình
Chánh, quận Thủ Đức) và 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA
172849, thửa đất số 529, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: pH Long Phước, Quận 9, diện
tích 7186 m², do H đứng tên chủ quyền.

Ngày 18/5/2017, H mang toàn bộ giấy tờ giả trên đến Công ty TNHH
phát triển đầu tư An Lộc Phát, địa chỉ số 168, Trần Lưu, KP4, pH An Phú, Quận
2, do ông Dương Văn H làm giám đốc để ký gửi nhờ chuyển nhượng phần đất
được thể hiện trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị H
nêu trên với giá 06 tỷ đồng, nếu ông H môi giới chuyển nhượng được sẽ nhận

tiền hoa hồng 0,1% (là 60.000.000 đồng). Sau đó, ông H giới thiệu cho người bạn tên Hồ Thanh M (sinh năm 1965; HKTT: 383, Trường Lưu, pH Long Trường, Quận 9) nhận chuyển nhượng thửa đất trên của H với giá 06 tỷ đồng. Sau khi thỏa thuận xong, ngày 22/5/2017, ông M đến Công ty của ông H làm Hợp đồng chuyển nhượng đất với Nguyễn Thị H với giá 06 tỷ đồng. Ông M đặt cọc trước 01 tỷ đồng, hẹn trong vòng 30 ngày sẽ thanh toán đủ cho H, nếu đến hạn ông M không nhận chuyển nhượng nữa sẽ mất tiền cọc và ngược lại, nếu H không chuyển nhượng sẽ đền bù gấp 3 lần số tiền đặt cọc. Đến ngày 30/5/2017, ông H thấy giá trị thửa đất trên H chuyển nhượng cho ông M giá rẻ hơn so với giá thị trường nên muốn nhận chuyển nhượng lại để bán kiếm lời. Ông H đã gặp H để bàn bạc, không chuyển nhượng cho ông M nữa mà chuyển nhượng cho ông H và ông H chấp nhận thay H đền gấp 3 lần số tiền đặt cọc cho ông M. Đồng thời nếu sau này, ông H chuyển nhượng lại được giá cao sẽ trả thêm tiền cho H, H đồng ý. Ngày 01/6/2017, ông H hẹn ông M đến văn phòng của Công ty ông H để rút lại hợp đồng chuyển nhượng giữa ông M với H, đồng thời ông H đền lại hợp đồng cho ông M số tiền 03 tỷ đồng. Ông M cho H 550.000.000 đồng tiền hoa hồng và ông M đưa lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H giữ. Khoảng 9h00' ngày 10/6/2017, H cùng ông H đến Phòng Công chứng số 3, tại địa chỉ: số 12 Thống Nhất, KP4, pH Bình Thới, Thủ Đức, để làm thủ tục ủy quyền hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng. Khi H xuất trình Giấy CMND, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tất cả đều mang tên Nguyễn Thị H) thì bị công chứng viên Mai Đức Thế Anh phát hiện những giấy tờ trên là giả nên báo cho Công an pH Bình Thới lập hồ sơ xử lý.

Qua làm việc, ông Dương Văn H và ông Hồ Thanh M trình bày như nội dung vụ án nêu trên. Hiện nay ông M đã chết.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. H khai sau khi nhận tiền cọc của ông M 01 tỷ đồng, H đã trả nợ cho những người sau: trả cho ông H (ở tỉnh Quảng Ninh) 240.000.000 đồng, trả cho bà Huyền (không rõ lai lịch) 85.000.000 đồng, trả cho bà Linh (không rõ lai lịch) 260.000.000 đồng, trả cho ông Thân Thế T (sinh năm 1984; HKTT: 2.10, Lô B, Chung cư Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức) 100.000.000 đồng. Ông T khai, tháng 4/2017 ông cho H mượn 138.000.000 đồng, H đã trả được 100.000.000 đồng; Trả cho ông Trần Tấn H1 (sinh năm 1991; HKTT: 279, Lương Định Của, KP5, pH An Phú, Quận 2) 265.000.000 đồng. Ông H1 khai H đã trả 200.000.000 đồng vay (trong đó có 32.500.000 đồng tiền chuộc xe Vespa và 179.500.000 đồng chuộc giấy chủ quyền nhà đất của H để thế chấp vay 200.000.000 đồng vào tháng 3/2017). Số tiền còn lại H đã tiêu xài cá nhân hết.

Qua xác M tại Công an pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức được biết trên địa bàn pH Hiệp Bình Chánh không có địa chỉ số 21 lô B, chung cư Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh và địa chỉ số 210, lô B, Chung cư Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh (theo địa chỉ trên Giấy CMND và Sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị H).

- Xác M tại Đội CSQLHC-TTXH Công an quận Thủ Đức về nguồn gốc Sổ hộ khẩu số 31110080738 có tên chủ hộ Nguyễn Thị H, sinh năm 1982 thì được biết Sổ hộ khẩu có đặc điểm như trên không pH do Công an quận Thủ Đức phát hành.

- Xác M tại Văn phòng đăng ký đất đai Quận 9 được biết: thửa đất số 529, tờ bản đồ số 28, pH Long Phước, Quận 9 ghi trong giấy chủ quyền mang tên Nguyễn Thị H là thửa đất của ông Lê Quốc Hưng (sinh năm 1960, HKTT: 305/9, Nam Kỳ Nghĩa, PH 7, Quận 3) đứng tên chủ quyền.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí M giám định giấy CMND, Sổ hộ khẩu do H đứng tên. Tại kết luận giám định số: 935/KLGD-TT ngày 04/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự kết luận:

“+ Bản in, hình dấu, chữ ký đứng tên thiếu tướng “Nguyễn Chí Thành” trên giấy CMND đứng tên Nguyễn Thị H, đề ngày 22/01/2015, tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

+ Bản in, hình dấu trên sổ hộ khẩu số 31110080738 đứng tên Nguyễn Thị H, đề ngày 31/12/2013 ở tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in màu.

+ Chữ ký trung tá Nguyễn Ngọc Nam trên sổ hộ khẩu đứng tên Nguyễn Thị H cần giám định và chữ ký của Trung tá Nguyễn Ngọc Nam trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh không pH do cùng một người ký ra”.

- Tại kết luận giám định số: 935/KLGD-TT ngày 04/8/2017, của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí M kết luận: Bản in, hình dấu, chữ ký đứng tên phó chủ tịch Nguyễn Văn Thành trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CA172849, đứng tên Nguyễn Thị H, đề ngày 30/6/2015 ở tài liệu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu”.

Ngày 03/10/2017, Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí M giám định chữ ký trên Hợp đồng chuyển nhượng đất thổ cư giữa H với ông Hồ Thanh M. Tại kết luận giám định số: 1384/KLGD-TT, ngày 26/10/2017 Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hồ Chí M kết luận: Chữ ký đứng tên “Nguyễn Thị H” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký Nguyễn Thị H trên hai tài liệu dùng làm mẫu so sánh do cùng một người ký ra.

* Vụ thứ 2:

Ngày 01/7/2017, ông Nguyễn Đình Huân là phó giám đốc Công ty TNHH dịch vụ du lịch Bá, ký hợp đồng cho Công ty TNHH dịch vụ vận tải Cá Mập do ông Nguyễn Hoàng Đình Thắng làm giám đốc thuê xe ô tô Toyota Altis biên số 51F-614.47 để kinh doanh, cho thuê xe tự lái.

Ngày 18/10/2017, Nguyễn Thị H ký hợp đồng với ông Nguyễn Duy Kha làm phó giám đốc Công ty vận tải Cá Mập, thuê lại chiếc xe ô tô Toyota Altis

biển số 51F-614.47 với giá 24.000.000 đồng/1 tháng, thời hạn thuê là 3 tháng. Do H là khách quen, nên ông Kha không yêu cầu thế chấp lại tài sản và giấy tờ gì. Sau khi thuê được chiếc xe ô tô trên, H đã lên mạng Internet thuê người thanh niên (không rõ lai lịch) làm giả các giấy tờ gồm:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 144510, mang tên Nguyễn Thị H (sinh năm 1982; HKTT: 21 Lô B C/c Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức), biển số đăng ký 51F-614.47, cấp ngày 25/02/2016,

- 01 Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 02/2017/UBND-XNTTHN, nội dung thể hiện H đang độc thân.

Ngày 22/11/2017, H sử dụng bộ giấy tờ giả gồm: Sổ hộ khẩu (bản phô tô) số 31110080738 do Nguyễn Thị H đứng tên chủ hộ (địa chỉ: 210 lô B, Chung cư Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức); chứng M nhân dân (phô tô) mang tên Nguyễn Thị H (sinh năm 1982, HKTT: 21 Lô B C/c Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức); Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 51F-614.47 (bản chính) cùng chiếc xe ô tô trên đem thế chấp cho ông Ngô KH M (sinh năm 1972; HKTT: 338/36 Nguyễn Đình Chiểu, PH 4, Quận 3) để vay số tiền 250.000.000 đồng (có viết giấy nhận tiền). Sau đó, ông M cho ông Đào Vĩnh Phong (sinh năm 1976; HKTT: 174/9 Lê Lư, pH Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú) mượn chiếc xe trên sử dụng và anh Phong đã gửi chiếc xe trên tại bãi giữ xe Tài Lộc, địa chỉ: pH Hòa Thạnh, quận Tân Phú do ông Nguyễn Trí Nghĩa (sinh năm 1975; HKTT: 280C Bạch Đằng, pH Hòa Thạnh, quận Tân Phú) làm chủ bãi xe. Sau khi hết thời hạn thuê xe, không thấy H đem xe đến trả và cũng không liên lạc được với H nên ông Kha đã kiểm tra định vị GPS thì phát hiện xe ô tô biển số 51F-614.47 đang đậu tại bãi xe Tài Lộc. Anh Kha đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Phú trình báo việc và tố cáo H về hành vi chiếm đoạt chiếc xe trên và cung cấp thông tin chiếc xe trên đang để tại bãi xe Tài Lộc. Công an quận Tân Phú đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Trí Nghĩa và ông Nghĩa đã tự nguyện giao nộp xe ô tô trên cho Cơ quan điều tra Công an quận Tân Phú để phục vụ điều tra.

- Ông Ngô KH M khai: Ông làm nghề mua bán xe cũ, thông qua người bạn tên Nguyễn Văn Tân (sinh năm 1972; HKTT: 75/23 Nguyễn Thiện Thuật, PH 1, Quận 3) và ông Tô Đình Hồng Phi (sinh năm 1975; HKTT: 212/158/38C Nguyễn Văn Nguyễn, pH Tân Định, Quận 1) giới thiệu nên ông M biết H đang cần bán chiếc xe ô tô Toyota Corola Altis, màu bạc, biển số 51F-614.47. Ngày 22/11/2017, ông Tân đi cùng ông Phi rồi hẹn ông M gặp H tại quán cafe gần ngã ba đường Nguyễn Đình Chính và Huỳnh Văn Bánh, quận Phú Nhuận để coi xe và giấy tờ xe. Tại đây, H nói hiện mẹ H đang mở tim, cần tiền nên muốn bán gấp chiếc xe ô tô trên với giá 550.000.000 đồng. Ông M coi xe và giấy đăng ký xe thấy đúng H đứng tên nên đồng ý mua với giá 550.000.000 đồng và yêu cầu H đem sổ hộ khẩu, CMND và đưa chồng H ra để công chứng bán xe thì H nói là đã li dị chồng, có giấy xác nhận tình trạng hôn nhân nhưng để ở nhà không mang theo. Thấy vậy nên ông M nói sẽ đặt cọc trước cho H 250.000.000 đồng và yêu cầu H viết giấy mượn tiền có ông Phi ký vào người chứng kiến. Sau đó,

ông M cùng H đi về căn hộ của H tại chung cư Masteri, pH Thảo Điền, Quận 2 để lấy giấy tờ ra công chứng bán xe. Khi về đến nhà, H đưa cho ông M giữ bản chính giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 02/2017/UBND-XNTTHN, nội dung thể hiện H đang độc thân, sổ hộ khẩu và CMND (bản phô tô) mang tên Nguyễn Thị H, H nói bản chính hộ khẩu và CMND hiện đang giao cho người làm dịch vụ để làm thủ tục giấy tờ đất ở huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai chưa lấy về được. H đề nghị giao trước cho ông M chiếc xe cùng bản chính giấy tờ xe, giấy xác nhận độc thân, H hứa khi nào lấy sổ hộ khẩu và CMND bản chính về thì sẽ ra công chứng ký bán xe cho ông M. Lúc này, ông M yêu cầu H viết giấy nhận số tiền là 250.000.000 đồng mà H vừa nhận từ ông M. Sau một thời gian dài, ông M không liên lạc được với H, đến nhà tìm thì không gặp. Sau đó, ông M cho ông Đào Vĩnh Phong mượn chiếc xe trên sử dụng và ông Phong đã gửi chiếc xe này tại bãi giữ xe Tài Lộc, địa chỉ: pH Hòa Thạnh, quận Tân Phú do ông Nguyễn Trí Nghĩa làm chủ bãi xe. Sau khi Công an quận Tân Phú đến thu giữ chiếc xe trên thì ông M mới biết nên làm đơn tố cáo H lừa đảo chiếm đoạt 250.000.000 đồng và giao nộp các giấy tờ giả cho Cơ quan điều tra.

Tại kết luận giám định số 2466/KLGD-X(Đ6) ngày 06/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí M cho biết số khung, số máy của xe ô tô biển số 51F-614.47 nguyên thủy, không thay đổi.

- Xác M tại Phòng PC08 Công an Thành phố Hồ Chí M được biết: xe ô tô hiệu Toyota Corola Altis, biển số: 51F-614.47, màu bạc, SK: RL4BU9HE6G7750, SM: 2ZRX553955 do Công ty TNHH dịch vụ du lịch Bá Thiên, địa chỉ: 76/16A Tân Hương, pH Tân Quý, quận Tân Phú đứng tên chủ sở hữu.

Tại kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng quận Tân Phú số 51 /KL-HĐĐGTS-TTHS kết luận: xe ô tô Toyota hiệu Altis, màu bạc biển số: 51F-614.47 có trị giá là 850.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 436/KLGD-TT ngày 10/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí M, kết luận: giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 144510, mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 51F-614.47, cấp ngày 25/02/2016 là giả.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí M đã tiến hành trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí M giám định “giấy nhận tiền” và “giấy mượn tiền” giữa H và ông M. Tại kết luận số 379/KLGD-TT ngày 19/02/2019, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí M kết luận: Chữ ký đứng tên “Nguyễn Thị H” và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị H” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên ba tài liệu dùng làm mẫu so sánh do cùng một người ký và viết ra.

Khoảng tháng 9/2015, do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên Nguyễn Thị H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Trần Thị N (sinh năm 1977; HKTT: khu 2, ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai). Để thực hiện ý định, H lên mạng Internet thuê người thanh niên tên Bảo (không rõ lai lịch) làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (01 giấy số AG 669499,

thửa đất số 1599, tờ bản đồ 03 do ông Doãn Đức H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 09/11/2006 và 01 giấy số AM540312, thửa đất số 1576, tờ bản đồ 03 do ông Nguyễn Sơn H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 08/9/2008). Cả hai giấy chủ quyền đều mang tên Nguyễn Thị H (sinh năm 1982; HKTT: ấp 6, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) đứng tên chủ sở hữu, chi phí làm giả là 24.000.000 đồng. Sau khi có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này, H mang đến nhà bà N tại ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành để thế chấp cho bà N vay tiền. Cụ thể như sau:

- Ngày 09/12/2015, H đã vay của bà N 70.000.000 đồng,
- Ngày 13/12/2015, H vay của bà N 80.000.000 đồng,
- Ngày 25/12/2015, H tiếp tục vay của bà N 150.000.000 đồng.

Việc thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền, hai bên có làm hợp đồng tay với nhau. Khoảng đầu tháng 01/2016, H có trả cho bà N 40.000.000 đồng, còn nợ lại 260.000.000 đồng. Do không có khả năng trả nợ, H đã đồng ý chuyển nhượng 02 thửa đất trong 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên cho bà N. Ngày 26/01/2017, H đã viết giấy tay bán nhà và đất cho bà N. Sau đó, bà N đến Phòng tài nguyên môi trường huyện Trảng Bom kiểm tra thông tin 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì kết quả không có trong hệ thống quản lý đất đai của huyện. Biết đã bị H lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bà N đã làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của H đến Công an huyện Trảng Bom. Sau khi tiếp nhận đơn, xét thấy vụ việc xảy ra tại huyện Long Thành nên công an huyện Trảng Bom chuyển hồ sơ cho Công an huyện Long Thành thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra Công an huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và Công an Thành phố Hồ Chí M, Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

* Xác M tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh Trảng Bom được biết:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1599, tờ bản đồ: 03 do ông Doãn Đức H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 09/11/2006, cấp cho ông Trương Văn Lin (sinh năm 1947; HKTT: Tân Sơn Nhì, pH 14, quận Tân Bình).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 1576, tờ bản đồ: 03 do ông Doãn Đức H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 9/11/2006, cấp cho ông Ngô Quang Bảo và bà Đỗ Kiều Châu (cùng HKTT: Tôn Thất Thuyết, PH 3, Quận 4).

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành đã trưng cầu giám định đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Tại bản kết luận giám định số 176/KLGD-PC54 (Đ3) ngày 04/5/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

+ Chữ ký mang tên Nguyễn Sơn H1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định với chữ ký mang tên Nguyễn Sơn H1 tương ứng trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh không pH do cùng một người trực tiếp ký ra.

+ Chữ ký mang tên Doãn Đức H1 trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định với chữ ký mang tên Doãn Đức H1 tương ứng trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh không pH do cùng một người trực tiếp ký ra.

+ Hình dấu tròn có ghi Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định với Hình dấu tròn có ghi Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, tương ứng trên tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh không pH do cùng một con dấu trực tiếp đóng ra.

Ngày 20/02/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định chuyển vụ án trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh để nhập vụ án xử lý chung.

* Đồ vật, tài sản thu giữ: Có bảng kê kèm theo;

* Về phần dân sự: Bà Trần Thị N yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H hoàn trả số tiền là 260.000.000 đồng; Ông Hồ Thanh M đã nhận lại 1.000.000.000 đồng tiền đặt cọc và 2.000.000.000 đồng tiền phạt từ ông H đưa nên không yêu cầu bồi tH; Ông Dương Văn H yêu cầu bồi tH số tiền 2.450.000.000 đồng; Ông Nguyễn Duy Kha là phó giám đốc Công ty vận tải Cá Mập, đã nhận lại được xe nên không yêu cầu bồi tH; Ông Ngô KH M yêu cầu bị cáo Nguyễn Thị H hoàn trả số tiền 250.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 132 /CTr-VKS-P1 ngày 24/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Nguyễn Thị H về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội: “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 139 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã quy kết, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm có cơ hội được trở về cuộc sống nuôi con nhỏ. Riêng khoản tiền quy kết chiếm đoạt 1.510.000.0000 đồng của ba người bị hại tôi đồng ý bồi tH.

Bị hại ông Dương Văn H trình bày: Đề nghị xử lý bị cáo theo đúng quy định pháp luật. Việc nhận tiền cọc mua bán đất với ông M, tôi xác định như sau: sau khi ông M đặt cọc 1.000.000.000 đồng để mua thửa đất quận 9, tôi đã thỏa thuận với bị cáo huỷ hợp đồng cọc với ông M và tôi chịu trách nhiệm đền cọc thay cho bị cáo, đồng thời tôi và bị cáo đã ra công chứng làm thủ tục uỷ quyền mua bán thửa đất trên. Việc thanh toán lại tiền cọc giữa ông M và bị cáo đã được chấm dứt do tôi là người trực tiếp trả cho ông 1.000.000.000 đồng tiền bị cáo nhận cọc từ ông M. Ông M đã chết vì vậy khoản tiền tôi đền cọc hơn 2 tỷ tôi không có yêu cầu đòi lại. Riêng khoản 1.000.000.000 đồng bị cáo trực tiếp nhận cọc chiếm đoạt đã được sự thống nhất giữa tôi và bị cáo. Do vậy yêu cầu bị cáo bồi tH khoản này cho tôi.

Ngoài ra vào ngày 15/5/2020 tôi có làm đơn gửi đến tòa án yêu cầu bị cáo bồi tH 1.300.000.000 đồng là chưa chính xác. Do quan hệ vay 200.000.000 đồng và 100.000.000 đồng bị cáo lừa tôi để bán chung cư tôi chưa có yêu cầu cơ quan điều tra xem xét trong vụ án này. Do vậy tôi không còn yêu cầu thêm những vấn đề phát sinh này mà yêu cầu bồi tH 1.000.000.000 đồng cho tôi.

Bị hại bà Trần Thị N tại tòa đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo đúng quy định pháp luật, đồng thời yêu cầu bị cáo trả khoản 260.000.000 đồng tiền bị cáo chiếm đoạt của tôi thông qua việc vay tiền cầm cố giấy tờ giấy tờ nhà đất tại Đồng Nai, sau đó làm thủ tục mua bán nhà với tôi, khi đi công chứng thì phát hiện giấy tờ nhà đất giả.

Bị hại ông Ngô KH M trình bày: Tôi yêu cầu bị cáo bồi tH cho tôi 250.000.000 đồng là khoản tiền bị cáo đã chiếm đoạt thông qua việc bán xe ô tô cho tôi nhưng không pH xe của bị cáo mà là giấy tờ xe giả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng. Từ những chứng cứ được thu thập hợp pháp, được kiểm tra tại phiên tòa, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản niêm phong vật chứng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo. Từ đó, đã có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Thị H đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 và điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt từ 16 – 18 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi tH số tiền 260.000.000 đồng cho bà Trần Thị N; bồi tH số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Dương Văn H; bồi tH số tiền 250.000.000 đồng cho ông Ngô KH M.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án số vật chứng là những giấy tờ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị H trình bày: Đối với tội danh mà cáo trạng đã truy tố là đúng người đúng tội, cũng như việc định khung đối với bị cáo Luật sư không tranh luận chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo lần đầu phạm tội và tình tiết người phạm tội là phụ nữ có thai. Ngoài ra, việc bị cáo chiếm đoạt số tiền của ông M giữa bị cáo và ông H người bị hại đã có sự thoả thuận để đền cọc và thực hiện việc uỷ quyền mua bán đất. Do vậy ông H xác định yêu cầu bồi tH 1 tỷ đồng là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Riêng đối các yêu cầu khác chưa được điều tra, truy tố không có căn cứ để xem xét. Tuy nhiên phân bị cáo H chiếm đoạt của ông M

và trả cho ông T và Ông H1 nhưng cơ quan điều tra lấy lời khai nhưng không thu hồi là thiếu sót nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo về mức hình phạt vì mức hình phạt như đề nghị là cao hơn những vụ án tương tự.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận: Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của những người do bị cáo khai đã trả tiền nợ vay, tuy nhiên quá trình điều tra đã xác định những người trên không biết tiền gì, nên không có căn cứ thu hồi là có căn cứ.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện Kiểm sát, bị cáo, bị hại, luật sư vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần pH tranh luận đối đáp thêm.

Bị cáo Nguyễn Thị H chấp nhận lời bào chữa của luật sư, không tranh luận thêm. Lời nói sau cùng bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí M, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí M, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị cáo đều trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Xét tại phiên tòa sơ thẩm người liên quan gồm Công ty TNHH dịch vụ vận tải cá mập; người đại diện hợp quyền và nghĩa vụ của ông Hồ Thanh M và những người liên quan khác vắng mặt tại phiên tòa, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt người liên quan trên trong trường hợp này là không trái quy định pháp luật đồng thời cũng phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị H khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại cùng bản kết luận giám định, các vật chứng được thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập, nên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2015 đến tháng 7/2017, bị cáo Nguyễn Thị H đã nhờ các đối tượng có tên Châu và Bảo (không rõ lai lịch, địa chỉ) làm giả nhiều lần các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ hộ khẩu, Giấy chứng M nhân dân, Giấy đăng ký xe, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, mang tên bị cáo. Mặc dù không pH là

chủ sở hữu của các tài sản, nhưng bị cáo đã làm giả các giấy tờ tài liệu trên rồi dùng thủ đoạn gian dối tạo niềm tin cho các bị hại tưởng là giấy tờ thật rồi cầm cố, vay tiền và giao dịch mua bán, để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại. Quá trình điều tra có đủ căn cứ xác định Nguyễn Thị H chiếm đoạt tổng số tiền là 1.510.000.000 đồng, cụ thể: Nguyễn Thị H đã sử dụng 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, mang tên Nguyễn Thị H để thế chấp vay sau đó làm giấy tờ mua bán 2 thửa đất mang tên bị cáo cho bà Trần Thị N ở tại ấp 7, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai chiếm đoạt tổng số tiền là 260.000.000 đồng; Ngoài ra H sử dụng các giấy tờ giả gồm: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 529, tờ bản đồ số 28, pH Long Phước, Quận 9, 01 Giấy chứng M nhân dân, 01 Sổ hộ khẩu (tất cả đều mang tên Nguyễn Thị H) thông qua ông Dương Văn H giới thiệu cho ông Hồ Thanh M nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất trên với giá 6.000.000.000 đồng, Ông M đặt cọc trước 1.000.000.000 đồng, H đã chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng trên. Do ông H tin tưởng giấy tờ thật và thấy bán cho ông M là rẻ nên bàn với H huỷ việc mua bán và đền tiền đặt cọc cho ông M, để chuyển việc mua bán lại cho ông H sau khi ông H bỏ tiền đền cọc cho ông M thay H, đồng thời cùng H đi làm thủ tục uỷ quyền để mua bán lô đất trên với các giấy tờ giả cho ông H. Tiếp theo, H dùng thủ đoạn thuê xe ô tô Toyota Altis biển số 51F-614.47 của ông Nguyễn Duy Kha là phó giám đốc Công ty vận tải Cá Mập. Sau khi thuê được chiếc xe ô tô trên, H đã mang các giấy tờ giả đã làm trên cùng chiếc xe ô tô đến thế chấp cho ông Ngô KH M để vay và chiếm đoạt số tiền 250.000.000 đồng.

[3] Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí M đã truy tố bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy, trong vụ án này bị cáo Nguyễn Thị H đã dùng thủ đoạn gian dối là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sổ hộ khẩu, giấy chứng M nhân dân, giấy đăng ký xe, giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, mang tên bị cáo nhằm mục đích gian dối các người bị hại để vay tiền, cầm cố, thế chấp tài sản và thực hiện giao dịch mua bán đất, để chiếm đoạt số tiền tổng cộng là 1.510.000.000 đồng của các người bị hại, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên”. Do đó cần áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và bị cáo đã trên 02 lần làm giả giấy tờ thuộc trường hợp “phạm tội nhiều lần” nên áp dụng hình phạt để xét xử đối với bị cáo theo điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự về tội “Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức”.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các người bị hại; gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội; gây ảnh hưởng đến uy tín và sự hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức nhưng bị cáo vẫn thực hiện; Bị cáo nhiều lần làm giả và chiếm đoạt tài sản

của các bị hại mà đến nay chưa khắc phục được nên cần thiết pH áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời còn có tác dụng đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, bản thân chưa tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra tạm giam bị cáo có thai và sinh con, hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s, điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo, đồng thời cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài ra, do bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của nhiều tội buộc bị cáo pH chấp hành.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy về các yêu cầu bồi tH của người bị hại: Đối với việc giao dịch nhận cọc mua bán thửa đất số 529, tờ bản đồ số 28, pH Long Phước, Quận 9, Thành phố Hồ Chí M của ông Dương Văn H, quá trình điều tra ông H yêu cầu bồi tH số tiền 2.450.000.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay ông H chỉ yêu cầu bị cáo bồi tH số tiền 1.000.000.000 đồng. Xét, bị cáo Nguyễn Thị H sau khi ký hợp đồng đặt cọc mua đất số tiền 1.000.000.000 đồng với ông Hồ Thanh M do ông H làm môi giới, sau đó giữa ông H, bị cáo, ông M đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đặt cọc, đồng thời ông H đã tự nguyện đền tiền cọc là 3.000.000.000 đồng cho ông M (gồm tiền phạt cọc, tiền do bị cáo H đã nhận cọc) thay cho bị cáo H. Ngay sau đó giữa bị cáo và ông H đã phát sinh quan hệ uỷ quyền mua bán mảnh đất cũng như phát sinh thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ cọc như lời trình bày của ông H, M và bị cáo tại cơ quan điều tra là phù hợp với lời khai của ông H và bị cáo tại phiên tòa. Do vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với việc bồi tH cho ông H khoản tiền 1.000.000.000 đồng tiền cọc mà bị cáo đã nhận trước đó từ ông M và chiếm đoạt là có căn cứ, đồng thời cũng là cơ sở để Hội đồng xét xử xác định tư cách tố tụng của ông Dương Văn H là người bị hại trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật và bị cáo pH có trách nhiệm bồi tH khoản tiền 1.000.000.000 đồng cho ông H.

Đối với yêu cầu của bà Trần Thị N về khoản tiền bồi tH 260.000.000 đồng và yêu cầu bồi tH của ông Ngô KH M về số tiền 250.000.000 đồng là có căn cứ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi tH số tiền trên cho các bị hại phù hợp với các yêu cầu của các người bị hại nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người có tên Châu và Bảo là người mà bị cáo H khai đã làm các giấy tờ giả trên. Do không xác định được lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra chưa làm rõ được, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau;

Đối với ông Trần Thế T, Trần Tấn H1 và ông H bà Huyền, bà Linh (không rõ lai lịch) là những người đã được H dùng số tiền chiếm đoạt từ việc đặt cọc mua bán đất để trả nợ, nhưng do ông T và ông H1 là những người được trả nợ và không biết nguồn gốc số tiền H đã trả, cũng như không xác định được lai lịch của

những người trên. Do đó cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để truy thu khoản tiền mà bị cáo đã dùng để trả nợ. Đồng thời ông H1 còn có dấu hiệu của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tuy nhiên do không thu giữ được các giấy tờ liên quan nên không có cơ sở để xử lý.

Từ những phân tích trên đây, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận quan điểm, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Đối với ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo mà Luật sư đã xuất trình.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi tH số tiền 260.000.000 đồng cho bà Trần Thị N.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi tH số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Dương Văn H;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi tH số tiền 250.000.000 đồng cho ông Ngô KH M.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với chiếc xe ô tô hiệu Toyota Corola Altis, biển số: 51F-614.47, màu bạc, SK: RL4BU9HE6G7750, SM: 2ZRX553955 do Công ty TNHH dịch vụ du lịch Bá Thiên, đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án toàn bộ tài liệu là chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo: 01 (một) sổ hộ khẩu số: 31110080738 mang tên Nguyễn Thị H (Nơi tH trú: 210 Lô B C/c Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Bản chính và bản phô tô); 01 (một) Giấy CMND số: 025803315 mang tên Nguyễn Thị H (HKTT: 21 Lô B C/c Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Bản chính và bản phô tô); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA172849 thửa đất số: 529, tờ bản đồ số: 28, địa chỉ: pH Long Phước, Quận 9, đứng tên H; 01 (một) Hợp đồng mua bán đất thổ cư (ký bán giữa Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh M); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 669499 mang tên Nguyễn Thị H (sn: 1982; HKTT: ấp 6, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) thửa đất số 1599, tờ bản đồ: 03 do ông Doãn Đức H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 09/11/2006 (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM540312 mang tên Nguyễn Thị H (sn: 1982; HKTT: ấp 6, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) thửa đất số 1576, tờ bản đồ: 03 do ông Nguyễn Sơn H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 08/9/2008 (bản chính); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 144510, mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 51F-614.47, cấp ngày 25/02/2016 (bản

chính); 01 (một) giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 02/2017/UBND-XNTTHN, mang tên Nguyễn Thị H; 01 (một) Giấy mượn tiền ghi ngày 22/11/2017 giữa bên cho mượn tiền là ông Ngô KH M và bên mượn tiền là Nguyễn Thị H; 01 (một) Giấy nhận tiền ghi ngày 22/11/2017 giữa bên đưa tiền là ông Ngô KH M và bên nhận tiền là Nguyễn Thị H.

[8] Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Thị H** 14 (mười bốn) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm tù, về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức”. Tổng hợp hình phạt hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Thị H pH chấp hành hình phạt chung là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2018.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 585, 589, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H bồi tH số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Dương Văn H; số tiền 260.000.000 đồng cho bà Trần Thị N; số tiền 250.000.000 đồng cho ông Ngô KH M.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án toàn bộ chứng cứ liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo: 01 (một) sổ hộ khẩu số: 31110080738 mang tên Nguyễn Thị H (Nơi tH trú: 210 Lô B C/c Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Bản chính và bản phô tô); 01 (một) Giấy CMND số: 025803315 mang tên Nguyễn Thị H (HKTT: 21 Lô B C/c Hiệp Bình Chánh, pH Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức. Bản chính và bản phô tô); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CA172849 thửa đất số: 529, tờ bản đồ số: 28, địa chỉ: pH Long Phước, Quận 9, đứng tên H; 01 (một) Hợp đồng mua bán đất thổ cư (ký bán giữa Nguyễn Thị H và ông Hồ Thanh M); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 669499 mang tên Nguyễn Thị H (sn: 1982; HKTT: ấp 6, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) thửa đất số 1599, tờ bản đồ: 03 do ông Doãn Đức H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 09/11/2006 (bản chính); 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AM540312 mang tên Nguyễn Thị H (sn: 1982; HKTT: ấp 6, xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) thửa đất số 1576, tờ bản đồ: 03 do ông Nguyễn Sơn H1, phó chủ tịch ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom ký vào ngày 08/9/2008 (bản chính); 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 144510, mang tên Nguyễn Thị H, biển số đăng ký 51F-614.47, cấp ngày 25/02/2016 (bản chính); 01 (một) giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 02/2017/UBND-XNTTHN, mang tên Nguyễn Thị H; 01 (một) Giấy mượn tiền ghi ngày 22/11/2017 giữa bên cho mượn tiền là ông Ngô KH M và bên mượn tiền là Nguyễn Thị H; 01 (một) Giấy nhận tiền ghi ngày 22/11/2017 giữa bên đưa tiền là ông Ngô KH M và bên nhận tiền là Nguyễn Thị H.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 2; Điều 6 Luật phí, lệ phí; Điều 3; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc Hội. Buộc: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và 57.300.000 (Năm mươi bảy triệu ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong, nếu bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi tH nêu trên, thì căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng tháng bị cáo còn pH chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày T án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP. HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục Thi hành án dân sự; (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (3)
- Trại giam; (2)
- Người liên quan; (4)
- Luật sư; (1)
- Thi hành án hình sự; (1)
- Phòng PC 53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (30) (8)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà